

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**
Số: 3406/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Định, ngày 14 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu
hồi đá khối tại núi Đá Trãi, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định
của Công ty TNHH Thanh Thành**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1523/STNMT-CCBVMT ngày 18/5/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối tại núi Đá Trãi, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Thanh Thành;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối tại núi Đá Trãi, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 80/CV-TT ngày 07/9/2023 của Công ty TNHH Thanh Thành;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1092/TTr-STNMT ngày 12/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Thanh Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại núi Đá Trãi, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Nhơn;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THÔNG THƯỜNG CÓ THU HỒI ĐÁ KHỐI TẠI NÚI ĐÁ TRÃI,
XÃ CÁT NHƠN, HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH
CỦA CÔNG TY TNHH THANH THẮNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối.
- Địa điểm thực hiện: Núi Đá Trãi, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Thanh Thắng.
- Địa chỉ liên hệ: Số 256 đường Hùng Vương, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0256 3841 688 (Ông Nguyễn Hậu Vị - Giám đốc Công ty).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích dự án: 2,19 ha (trong đó: diện tích khai trường khai thác là 1,6564 ha và diện tích sân công nghiệp 0,5336 ha). Chủ dự án có trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đất đai, khoáng sản trước khi tiến hành triển khai dự án.

- Tuổi thọ mỏ: 15 năm.

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Công suất dự án:

+ Sản phẩm chính : 23.500 m³ đá địa chất/năm (bao gồm: Đá khối làm đá ốp lát khoảng 3.500 m³/năm, đá làm vật liệu xây dựng thông thường 20.000 m³/năm).

+ Sản phẩm phụ: 13.000 m³ đất/năm phục vụ san nền.

1.3. Phương pháp khai thác: Khai thác hỗn hợp (lớp đứng và lớp bằng) theo hướng từ trên xuống, với chiều cao tầng khai thác $h = 5\text{m}$, kết thúc khai thác tại cos +70 m. Vị trí mở moong khai thác phía Tây Bắc dự án, tại điểm mốc số 01.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Hạng mục công trình: Nhà điều hành; trạm biến áp; tuyến đường tạm trong mỏ, 01 bãi chứa đá thành phẩm, 01 bãi chứa đá nguyên khai,...

- Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:
- + Nhà vệ sinh (có bể tự hoại).
- + Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt.
- + Xử lý nước thải: 01 hồ lắng phía Tây Nam sân công nghiệp; 01 hồ lắng phía Đông Nam sân công nghiệp.
- + 01 bãi lưu chứa bột đá, 02 bãi chứa đất tầng phủ phục hồi môi trường (bố trí ở năm thứ 8 và năm thứ 13).
- Các hoạt động của dự án:
- + Bốc đất tầng phủ.
- + Phát quang cây rừng và cây bụi hiện trạng.
- + Xây dựng các công trình phục vụ hoạt động của dự án (các hạng mục công trình chính, công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường nêu trên).
- + Khai thác đá khối (sử dụng: khoan, vật liệu nổ, máy cắt bằng dây, cưa đĩa).
- + Chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường (đá cubic, đá chẻ,...).
- + Vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ.
- + Cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Hoạt động khai thác và chế biến đá gây nguy cơ sạt lở, gây sa bồi thủy phá vùng hạ lưu; phát sinh nước thải (do nước mưa cuốn theo đất, đá thải) và tiếng ồn (do nổ mìn và cưa xẻ đá).
- Bãi lưu chứa đất tầng phủ, bãi chứa đá thành phẩm, bãi lưu chứa bột đá có khả năng gây cản trở dòng chảy, sạt lở, sa bồi, thủy phá vùng hạ lưu.
- Bụi, ồn, khí thải từ hoạt động khai thác, chế biến và vận chuyển.
- Hoạt động sinh hoạt của người lao động tại dự án phát sinh chất thải sinh hoạt (chất thải rắn và nước thải).
- Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng thiết bị vận chuyển, khai thác và chế biến đá gây phát sinh chất thải công nghiệp và nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải; bụi, khí thải

- Nước thải:
- + Nước thải sinh hoạt: phát sinh khoảng 3,52 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

+ Nước mưa chảy tràn có kéo theo đất, đá, bùn thải (được tính cho ngày mưa lớn nhất) khoảng 6.869,5 m³/ngày.

+ Nước thải từ hoạt động cưa xẻ đá trên khai trường (có lẫn bột đá) khoảng 0,156 m³/ngày.

- Bụi, khí thải: phát sinh trong quá trình khai thác, chế biến và vận chuyển sản phẩm.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 13,2 - 26,4 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy, gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

+ Chất thải rắn sản xuất: Đất bóc tầng phủ phát sinh khoảng 13.000 m³/năm; bột đá phát sinh khoảng 63 m³/năm (từ quá trình cưa xẻ đá khối tại mỏ đá).

- Chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

+ Bóng đèn huỳnh quang thải: khối lượng phát sinh khoảng 10 kg/năm, trạng thái rắn, mã chất thải (16 01 06).

+ Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn (mỡ thải): khối lượng phát sinh khoảng 100 kg/năm, trạng thái lỏng, mã chất thải (17 02 03).

+ Các vật dụng nhiễm dầu thải (giẻ lau, bao tay, bao bì,...): khối lượng phát sinh khoảng 15 kg/năm, trạng thái lỏng, mã chất thải (18 02 01).

3.4. Tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác và chế biến đá, vận chuyển đá đến nơi tiêu thụ.

3.5. Các tác động khác: nguy cơ sạt lở, sụt lún do quá trình hoạt động khai thác đá.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Xây dựng nhà vệ sinh có hầm tự hoại để thu gom và xử lý.

b) Đối với nước mưa chảy tràn có kéo theo đất, đá, bùn thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước: Hệ thống mương nước xung quanh khu vực mỏ, dẫn về hồ lắng và mương thoát nước xung quanh sân công nghiệp: mương hở, kích thước (2m×1,5m), dài 1.221 m và hệ thống mương thoát hai bên tuyến đường vận chuyển.

- Hồ lắng phía Tây Nam sân công nghiệp dự án, có tọa độ X = 1.547.018; Y = 595.867 (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108°15'). Thể tích khoảng 300 m³ (dài × rộng × sâu = 20m × 5m × 3m). Kết cấu: hồ đào; xung quanh có bờ bao gia cố kiên cố, chia làm 02 ngăn. Quy trình: Nước mưa →

mương đào hử → hồ lắng Tây Nam sân công nghiệp → mương đào hử → suối phía Tây Bắc dự án.

- Hồ lắng phía Đông Nam sân công nghiệp dự án, có tọa độ $X = 1.547.059$; $Y = 595.963$ (hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3^0 , kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$). Thể tích khoảng 675 m^3 (dài $\times$ rộng $\times$ sâu = $22,5\text{m} \times 10\text{m} \times 3\text{m}$). Kết cấu: hồ đào; xung quanh có bờ bao gia cố kiên cố, chia làm 02 ngăn. Quy trình: Nước mưa → mương đào hử → hồ lắng Đông Nam sân công nghiệp → mương đào hử → suối phía Đông Nam dự án.

Nước thải sau xử lý tại các hồ lắng đạt cột B, quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp ($K_q = 0,9$, $K_f = 1$).

c) Nước thải từ hoạt động cưa xẻ đá khối trên khai trường: Thu gom, dẫn dòng về hồ thu gom nước tạm trên sườn tầng có thể tích khoảng 01 m^3 để tuần hoàn tái sử dụng.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải:

- Trên tuyến đường vận chuyển: Các xe vận chuyển che phủ bằng bạt, không để rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển; phối hợp với các đơn vị khai thác trong khu vực để có kế hoạch sử dụng xe chuyên dụng tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (có đi qua khu dân cư) với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng; định kỳ cải tạo, nâng cấp tuyến đường đảm bảo hoạt động giao thông trong khu vực.

- Tại khu vực khai thác, cưa xẻ đá: Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; phun nước giảm bụi tại các khu vực dễ phát sinh bụi.

- Trồng cây xanh giảm thiểu bụi tại khu vực Nhà ở công nhân, Nhà điều hành và một số vị trí phù hợp trong dự án và trên tuyến đường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thiết bị thu gom rác thải sinh hoạt để thu gom tất cả rác thải sinh hoạt và phối hợp với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bột đá trong quá trình cưa xẻ đá khối tại mỏ có tổng khối lượng khoảng 63 m^3 /năm được thu gom, lưu chứa tại khu vực sân công nghiệp (diện tích 400 m^2). Việc đào hố và chôn lấp bột đá theo hình thức cuốn chiếu (tối đa 80 m^2 /hố, chiều sâu 3m). Kết cấu: Hồ đào, có cos nền thấp hơn hiện trạng 3m , có bờ bao xung quanh để ngăn nước mưa chảy tràn xâm nhập vào hố, định kỳ đầm chặt cô lập bằng lớp đất phủ.

- Đất bóc tầng phủ trong quá trình khai thác để phục hồi môi trường với khối lượng khoảng $18.241,8 \text{ m}^3$, bố trí bãi lưu chứa tại khu vực sân công nghiệp

để phục hồi môi trường (dài $\times$ rộng $\times$ cao = 100m $\times$ 30m $\times$ 3m). Kết cấu bãi thải có kè chắn xung quanh và hệ thống thoát nước bãi thải.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Xây dựng khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại phía Nam sân công nghiệp, kết cấu như sau: Mặt sàn chống thấm, có mái che, có cửa (dán ký hiệu nhận biết), bên trong có trang bị các thiết bị lưu chứa (dán tên, mã chất thải nguy hại).

- Thực hiện thu gom tất cả chất thải nguy hại phát sinh tại dự án, đưa vào khu vực lưu chứa. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
I	Khu vực khai thác			
1.	Giai đoạn 1: Khu vực đã kết thúc khai thác (0,39 ha) tại cos +140m đến cos +120m			
1.1	Vận chuyển đất từ bãi thải đến san gạt mặt bằng.	2.340 m ³	Đưa địa hình về trạng thái bằng phẳng để tiến hành trồng rừng, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh.	Kết thúc năm khai thác thứ 10 (triển khai và hoàn thành trong 30 ngày)
1.2	San gạt mặt bằng khu vực dự án.	2.340 m ³		
1.3	Thu dọn đá treo trên sườn tầng	97,5 m ³	Đảm bảo an toàn	
1.4	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực dự án (mật độ 1.600 cây/ha)	0,39 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác	
1.5	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT.	0,39 ha	- Giám sát chiều sâu khai thác. - Bản đồ địa hình khu vực dự án.	
2	Giai đoạn 2: Khu vực đã kết thúc khai thác (1,2664 ha) tại cos +100m đến cos +70m			
2.1	Vận chuyển đất từ bãi thải đến san gạt mặt bằng.	10.800 m ³	Đưa địa hình về trạng thái bằng phẳng để tiến hành trồng rừng, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh.	Kết thúc năm khai thác thứ 15 (triển khai và hoàn thành trong 30 ngày)
2.2	San gạt mặt bằng khu vực dự án.	10.800 m ³		

STT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
2.3	Thu dọn đá treo trên sườn tầng	316,6 m ³	Đảm bảo an toàn	
2.4	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực dự án (mật độ 1.600 cây/ha	1,2664 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác	
2.5	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT.	1,2664 ha	Giám sát chiều sâu khai thác. - Bản đồ địa hình khu vực dự án.	
2.6	Cắm biển báo nguy hiểm bằng BTCT tại khu vực CTPHMT.	02 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	
2.7	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT.	1,2664 ha	- Giám sát chiều sâu khai thác. - Bản đồ địa hình khu vực dự án.	
II	Khu vực ngoài khai trường (Diện tích sân công nghiệp 0,5336 ha)			
2.1	Vận chuyển đất từ bãi thải San lấp hồ lầy phía Đông Nam SCN, hồ lầy phía Tây Nam SCN và mương thu nước và thoát nước trong khu vực dự án	5.101,8 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu	Kết thúc khai thác năm thứ 15
2.2	San lấp hồ lầy phía Đông Nam SCN, hồ lầy phía Tây Nam SCN và mương thu nước và thoát nước trong khu vực dự án	5.101,8 m ³		
2.3	Tháo dỡ công trình phụ trợ	20 m ²		
2.4	Tháo dỡ kè chắn bãi thải, rọ đá kè chắn nước	207,5 m ³		
2.4	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực dự án (mật độ 1.600 cây/ha)	0,5336 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác	
2.5	Cắm biển báo nguy hiểm bằng BTCT tại khu vực CTPHMT.	02 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	Thực hiện trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **1.367.064.000 đồng** (*Một tỷ, ba trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

- Số lần ký quỹ: 15 lần, cụ thể số tiền được làm tròn như sau:

+ Lần 01, số tiền: 273.412.800 đồng; tuy nhiên, đơn vị đã nộp số tiền ký quỹ là 161.896.000 đồng (theo Giấy xác nhận số 283/GXN-QBVMT ngày 31/10/2022 của Quỹ Bảo vệ môi trường). Do vậy, sau khi khấu trừ số tiền đã nộp, số tiền còn lại Công ty phải nộp lần 01 là: 111.516.800 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Các lần còn lại, số tiền: 78.118.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, số 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Khai thác đến đâu thì bóc đất tầng phủ đến đó, đảm bảo giữ lại lớp phủ thực vật để chống xói mòn.

- Tuân thủ quy trình, phạm vi khai thác.

- Cấm các biện pháp báo nguy hiểm cho người dân được biết tránh đến gần khu vực khai thác.

- Khi sự cố xảy ra lập tức dừng mọi hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ. Tập trung toàn bộ lao động và thiết bị để ứng cứu sự cố. Di dời lao động, thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân khắc phục sự cố. Báo cáo kịp thời sự cố cho cơ quan chức năng địa phương để có phương án hỗ trợ giải quyết.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình hoạt động dự án và bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

Giám sát thường xuyên sự cố sa bồi vào mùa mưa ảnh hưởng đến khu vực hạ lưu, suối cạn phía Tây dự án; giám sát khu lưu chứa chất thải bột đá, chất thải rắn khác theo đúng quy định.